

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM
Số: 74/TPHN/2019

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân công bố sản phẩm

Tên tổ chức, cá nhân: **Công ty cổ phần Thực phẩm Hữu Nghị**

Địa chỉ: 122 Định Công, Phường Định Công, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Điện thoại: +84 24 3864 2579

Fax: +84 24 3864 2579

E-mail: cskh@huunghi.com.vn

Mã số doanh nghiệp: 0102109239

Số giấy chứng nhận: HA 460.18.CIV. Ngày cấp ban đầu: 17/10/2018. Có hiệu lực: 17/10/2018 ÷ 19/06/2021. Nơi cấp: Vietnam Certification Centre (QUACERT).

II. Thông tin sản phẩm

1. **Tên sản phẩm:** Típo bánh bông lan tầng kem hương cốt.

2. **Thành phần:** Bột mì, Đường, Trứng, Nước, Đường Mantoza, Chất giữ ẩm (E420(ii), E422, E1520), Shortening, Dầu cọ tinh luyện, Sữa đặc có đường, Bột Whey, Đường dextrose, Chất nhũ hóa (E322, E471, E475, E433), Tinh bột mì, Cồn thực phẩm, Chất điều chỉnh độ axit (E450(i), E330), Muối, Chất bảo quản (E202, E281), Hương liệu tổng hợp (Cốt, Bơ), Chất tạo xốp (E500(ii)), Màu tự nhiên (E100(i), E141(ii)), Enzyme (E1100).

Thành phần có chứa: Bột mì, Trứng, Sữa, Lecitin đậu nành.

3. Thời hạn sử dụng sản phẩm: 10 tháng kể từ ngày sản xuất
Ngày sản xuất (MFG) và hạn sử dụng (EXP): xem trên bao bì.

4. Quy cách bao gói và chất liệu bao bì:

- Bánh được đóng gói kín trong bao bì giấy cuộn có chất liệu PET12/MCPP25, sau đó cho hộp giấy Duplex Hàn Quốc định lượng 400g/m².
- Qui cách bao gói: 360 g (12.7 oz)/ hộp (20 gói x 18 g).

5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất:

- Sản xuất bởi: Công ty cổ phần Thực phẩm Hữu Nghị.
- Địa chỉ: 122 Định Công, phường Định Công, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội, Việt Nam.
- ĐT: +84 24 3664 2431, +84 24 3664 9451, +84 24 3668 6334
- Fax: +84 24 3664 2426, +84 24 3668 6349
- E-mail: cskh@huunghi.com.vn; im-export@huunghi.com.vn
- Website: www.huunghi.com.vn

III. Mẫu nhãn sản phẩm (xem mẫu nhãn sản phẩm dự kiến đính kèm)

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm (Phụ lục I đính kèm).

Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

1. Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia số:

- QCVN 8-1:2011/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc



She

tổ vi nấm trong thực phẩm.

- QCVN 8-2:2011/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm.

2. Thông tư của các Bộ, ngành

- Thông tư số 02/VBHN-BYT Hướng dẫn việc quản lý phụ gia thực phẩm.
- Quyết định số 46/2007/QĐ-BYT Quy định giới hạn tối đa ô nhiễm sinh học và hóa học trong thực phẩm.
- Quyết định 3742/2001/QĐ-BYT về quy định các chất phụ gia được phép sử dụng trong thực phẩm (các chất tạo hương).

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.

Hà Nội, ngày 04 tháng 07 năm 2019

LÃNH ĐẠO CÔNG TY



TỔNG GIÁM ĐỐC

Vũ Đức Lợi

She

Phụ lục I
TIÊU CHUẨN SẢN PHẨM

Công ty cổ phần Thực phẩm Hữu Nghị	Tipo bánh bông lan tầng kem hương cốt	Số: 74/TPHN/2019
---	--	-------------------------

1. Yêu cầu kỹ thuật:

1.1. Các chỉ tiêu cảm quan:

- Hình dạng bên ngoài: Xếp 2 lớp, ở giữa là lớp kem.
- Trạng thái: Xốp, mềm
- Màu sắc: Màu xám của cốt, màu xanh cốt của kem
- Mùi vị: Đặc trưng mùi vị kem cốt
- Tạp chất lạ: Không

1.2. Các chỉ tiêu vi sinh vật: áp dụng theo Quyết định số 46/2007/QĐ-BYT Quy định giới hạn tối đa ô nhiễm sinh học và hóa học trong thực phẩm.

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Giới hạn VSV (trong 1g hoặc 1 ml sản phẩm)
1	Tổng số vi sinh vật hiếu khí	CFU/g	10^4
2	Coliforms	CFU/g	10
3	E. Coli	CFU/g	3
4	S.aureus	CFU/g	10
5	Cl.perfringens	CFU/g	10
6	B.cereus	CFU/g	10
7	Tổng số BTNM-M	CFU/g	10^2

1.3. Hàm lượng kim loại nặng: áp dụng theo QCVN 8-2:2011/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm.

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1	Cadmi (Cd)	ppm	0,1
2	Chì (Pb)	ppm	0,2

1.4. Hàm lượng hóa chất không mong muốn: áp dụng theo QCVN 8-1:2011/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm.

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1	Aflatoxin B1	µg/kg	2
2	Aflatoxin B1B2G1G2	µg/kg	4
3	Ochratoxin A	µg/kg	3
4	Deoxyvalenol	µg/kg	500
5	Zearalenone	µg/kg	50

2. Hướng dẫn sử dụng và bảo quản:

2.1. Hướng dẫn sử dụng:

- Dùng ăn trực tiếp. Bảo quản nơi khô, mát. Tránh ánh nắng trực tiếp.

dh

- Ngày sản xuất (MFG) và hạn sử dụng (EXP): xem trên bao bì.

2.2. Hướng dẫn bảo quản và vận chuyển:

- Bảo quản:
 - Thành phẩm bảo quản trong kho phải xếp trên các pallet hoặc giá/kệ, cách mặt đất từ 10 – 15 cm, cách tường ít nhất 30 cm.
 - Kho phải thoáng mát, khô ráo, tránh được mưa nắng.
- Vận chuyển: Thành phẩm được vận chuyển bằng xe chuyên dụng, đảm bảo không bị nắng, mưa. Không vận chuyển thành phẩm cùng với các sản phẩm khác gây ảnh hưởng đến mùi vị của sản phẩm.



Chữ ký



VIỆN CÔNG NGHIỆP THỰC PHẨM
TRUNG TÂM PHÂN TÍCH VÀ GIÁM ĐỊNH THỰC PHẨM QUỐC GIA
NATIONAL CENTER FOR FOOD ANALYSIS AND ASSESSMENT

ISO/IEC 17025 – VILAS 259

Địa chỉ (Add.): 301 Nguyễn Trãi – Thanh Xuân – Hà Nội

Điện thoại (Tel.): (+84) - 24 - 38582752 Fax: (+84) - 24 - 38587962

Email: nacefa@firi.vn

Website: <http://www.firi.vn>



Số: 0519062-2/2/PKQ

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Tên mẫu: TIPO bánh bông lan tầng hương cốt
Mô tả mẫu: Mẫu đóng gói kín, nguyên tem mác công ty
Số lượng mẫu: 01
Khách hàng: Công ty Cổ phần Thực phẩm Hữu Nghị
Địa chỉ: 122 Định Công, Phường Định Công, Quận Hoàng Mai, Hà Nội
Ngày nhận mẫu: 24/5/2019
Thời gian thử nghiệm: 24/5/2019 – 10/6/2019
Kết quả:

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kết quả	Phương pháp thử
1*	Hàm lượng Asen (As)	mg/kg	KPH (< 0,003 mg/kg)	AOAC 986.15
2*	Hàm lượng Thủy ngân (Hg)	mg/kg	KPH (< 0,016 mg/kg)	AOAC 971.21
3*	Hàm lượng Cadimi (Cd)	mg/kg	KPH (< 0,0004 mg/kg)	AOAC 999.11
4*	Hàm lượng Chì (Pb)	mg/kg	KPH (< 0,0003 mg/kg)	AOAC 999.11
5	Aflatoxin B1	µg/kg	KPH (< 0,5 µg/kg)	PTN.HD.130 (LC-MS/MS)
6	Aflatoxin tổng số (B1,B2,G1,G2)	µg/kg	KPH (< 2,0 µg/kg)	PTN.HD.130 (LC-MS/MS)
7	Hàm lượng Ochratoxin A	µg/kg	KPH (< 1,0 µg/kg)	PTN.HD.167 (LC-MS/MS)
8	Hàm lượng Deoxynivalenol	µg/kg	KPH (< 5,0 µg/kg)	PTN.HD.105 (LC-MS/MS)
9	Hàm lượng Zearalenone	µg/kg	KPH (< 1,0 µg/kg)	PTN.HD.105 (LC-MS/MS)
10*	Tổng số vi sinh vật hiếu khí	CFU/g	1,0x10 ¹	TCVN 4884-1:2015
11*	Coliforms	MPN/g	0	TCVN 4882 : 2007
12*	E.coli	MPN/g	0	TCVN 6846 : 2007
13	Staphylococcus aureus	CFU/g	KPH (< 10 CFU/g)	TCVN 4830-2 : 2005
14	Clostridium perfringens	CFU/g	KPH (< 10 CFU/g)	TCVN 4991:2005
15	Bacillus cereus	CFU/g	KPH (< 10 CFU/g)	TCVN 4992:2005
16*	Tổng số bào tử nấm men, mốc	CFU/g	KPH (< 10 CFU/g)	TCVN 8275-2:2010
17	Salmonella	/25g	KPH	ISO 6579-1:2017

Ghi chú: KPH = Không phát hiện: Là giá trị nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp thử.

Hà Nội, ngày 10 tháng 6 năm 2019

P. GIÁM ĐỐC

Lý Ngọc Trâm

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu đem thử;
- Thông tin về mẫu và khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu;
- Không được sao chép một phần kết quả thử nghiệm nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Phân tích và Giám định Thực phẩm Quốc Gia.
- Chỉ tiêu (*): Là chỉ tiêu được công nhận VILAS; chỉ tiêu (**): được thực hiện bởi nhà thầu phụ
- Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết thời hạn lưu mẫu theo quy định.



Manufactured by:
Hữu Nghị Food JOINT-STOCK COMPANY
Add: 122 Đinh Công St., Đinh Công Ward, Hoàng Mai Dist., Hanoi
City, Vietnam.
Tel: +84 24 36642431, +84 24 36649451, +84 24 36686334
Fax: +84 24 36642426, +84 24 36686349
E-mail: cskh@huunghi.com.vn;
im-export@huunghi.com.vn
Website: www.huunghi.com.vn

Tipo[®] Layer Cake



Sản xuất bởi:
CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM Hữu Nghị
Địa chỉ: 122 Đinh Công, phường Đinh Công, quận Hoàng Mai,
thành phố Hà Nội, Việt Nam
ĐT: +84 24 36642431, +84 24 36649451, +84 24 36686334
Fax: +84 24 36642426, +84 24 36686349
Email: cskh@huunghi.com.vn;
im-export@huunghi.com.vn
Website: www.huunghi.com.vn

Tipo[®]
Layer Cake



Xuất xứ: Việt Nam
Country of origin: Vietnam

NGT
18/6/19



20 x 18 g
Gói Khối lượng tịnh: 360 g (12.7 oz)

20 x 18 g
Packs Netweight: 360 g (12.7 oz)

Bảng thông tin dinh dưỡng (Nutrition Facts):

Lượng dinh dưỡng được tính trên (Serving Size): 100 g

Tổng calo (Calories) 384 Calo từ chất béo (Calories from Fat) 115

% Giá trị dinh dưỡng hàng ngày (% Daily Value) (*)

Tổng chất béo (Total Fat) 13 g 20%

Chất béo bão hòa (Saturated Fat) 6 g 32%

Chất béo chuyển hóa (Trans Fat) 0 g

Cholesterol 12 mg 4%

Natri (Sodium) 263 mg 11%

Tổng Carbohydrate (Total Carbohydrate) 63 g 21%

Chất xơ (Dietary Fiber) 2 g 8%

Đường (Sugars) 33 g

Chất đạm (Protein) 4 g

Canxi (Calcium) 38,92 mg 4%

Sắt (Iron) 0,64 mg 4%

(*) Phần trăm dinh dưỡng mỗi ngày cho bạn biết lượng một chất dinh dưỡng có trong một khẩu phần thực phẩm góp phần vào chế độ ăn uống hàng ngày. Lỗi khuyến nghị dinh dưỡng chung là nên hấp thụ 2000 calo một ngày.

(†) The % Daily Values (DV) tells you how much a nutrient in a serving of food contributes to the daily diet. 2000 calories a day is used for general nutrition advice.

Tổng chất béo (Total Fat) 13 g 20%

Chất béo bão hòa (Sat Fat) 6 g 32%

Cholesterol 12 mg 4%

Natri (Sodium) 263 mg 11%

Tổng Carbohydrate (Total Carbohydrate) 63 g 21%

Chất xơ (Dietary Fiber) 2 g 8%

Đường (Sugars) 33 g

Chất đạm (Protein) 4 g

Canxi (Calcium) 38,92 mg 4%

Sắt (Iron) 0,64 mg 4%

(*) Phần trăm dinh dưỡng mỗi ngày cho bạn biết lượng một chất dinh dưỡng có trong một khẩu phần thực phẩm góp phần vào chế độ ăn uống hàng ngày. Lỗi khuyến nghị dinh dưỡng chung là nên hấp thụ 2000 calo một ngày.

(†) The % Daily Values (DV) tells you how much a nutrient in a serving of food contributes to the daily diet. 2000 calories a day is used for general nutrition advice.

Tổng chất béo (Total Fat) 13 g 20%

Chất béo bão hòa (Sat Fat) 6 g 32%

Cholesterol 12 mg 4%

Natri (Sodium) 263 mg 11%

Tổng Carbohydrate (Total Carbohydrate) 63 g 21%

Chất xơ (Dietary Fiber) 2 g 8%

Đường (Sugars) 33 g

Chất đạm (Protein) 4 g

Canxi (Calcium) 38,92 mg 4%

Sắt (Iron) 0,64 mg 4%

(*) Phần trăm dinh dưỡng mỗi ngày cho bạn biết lượng một chất dinh dưỡng có trong một khẩu phần thực phẩm góp phần vào chế độ ăn uống hàng ngày. Lỗi khuyến nghị dinh dưỡng chung là nên hấp thụ 2000 calo một ngày.

(†) The % Daily Values (DV) tells you how much a nutrient in a serving of food contributes to the daily diet. 2000 calories a day is used for general nutrition advice.

Tổng chất béo (Total Fat) 13 g 20%

Chất béo bão hòa (Sat Fat) 6 g 32%

Cholesterol 12 mg 4%

Natri (Sodium) 263 mg 11%

Tổng Carbohydrate (Total Carbohydrate) 63 g 21%

Chất xơ (Dietary Fiber) 2 g 8%

Đường (Sugars) 33 g

Chất đạm (Protein) 4 g

Canxi (Calcium) 38,92 mg 4%

Sắt (Iron) 0,64 mg 4%

(*) Phần trăm dinh dưỡng mỗi ngày cho bạn biết lượng một chất dinh dưỡng có trong một khẩu phần thực phẩm góp phần vào chế độ ăn uống hàng ngày. Lỗi khuyến nghị dinh dưỡng chung là nên hấp thụ 2000 calo một ngày.

(†) The % Daily Values (DV) tells you how much a nutrient in a serving of food contributes to the daily diet. 2000 calories a day is used for general nutrition advice.

Tổng chất béo (Total Fat) 13 g 20%

Chất béo bão hòa (Sat Fat) 6 g 32%

Cholesterol 12 mg 4%

Natri (Sodium) 263 mg 11%

Tổng Carbohydrate (Total Carbohydrate) 63 g 21%

Chất xơ (Dietary Fiber) 2 g 8%

Tên sản phẩm: Tipó bánh bông lan tầng kem hương cốm

Name of Product: Tipó Green rice flavoured cream layer cake

Thành phần: Bột mì, Đường, Trứng, Nước, Đường Mantoza, Chất giữ ẩm (E420(ii), E422, E1520), Shortening, Dầu cọ tinh luyện, Sữa đặc có đường, Bột Whey, Đường dextrose, Chất nhũ hóa (E322, E471, E475, E433), Tinh bột mì, Cồn thực phẩm, Chất điều chỉnh độ axit (E450(i), E330), Muối, Chất bảo quản (E202, E281), Hương liệu tổng hợp (Cốm, Bơ), Chất tạo xốp (E500(ii)), Màu tự nhiên (E100(i), E141(ii)), Enzyme (E1100).

Thành phần có chứa: Bột mì, Trứng, Sữa, Lecitin đậu nành.

Ingredients: Wheat flour, Sugar, Egg, Water, Maltose syrup, Humectants (E420(ii), E422, E1520), Shortening, Refined palm oil, Sweetened condensed milk, Whey powder, Dextrose, Emulsifiers (E322, E471, E475, E433), Wheat Starch, Food grade alcohol, Acidity regulators (E450(i), E330), Salt, Preservatives (E202, E281), Artificial flavours (Green rice, Butter), Raising agent (E500(ii)), Natural colours (E100(i), E141(ii)), Enzyme (E1100).

Contains allergens: Wheat flour, Egg, Milk, Soy lecithin.

Hướng dẫn sử dụng: Dùng ăn trực tiếp. Bảo quản nơi khô, mát. Tránh ánh nắng trực tiếp.

Ngày sản xuất (MFG) và hạn sử dụng (EXP): xem trên bao bì.

Instructions for use: Use directly. Store in a cool and dry place. Avoid the direct sunshine.

Date of manufacture (MFG) and expiry date (EXP): as shown on the package.

Sản xuất bởi:

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM **Hữu Nghị**

Địa chỉ: 122 Định Công, phường Định Công, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội, Việt Nam

ĐT: +84 24 36642431, +84 24 36649451, +84 24 36686334

Fax: +84 24 36642426, +84 24 36686349

Email: cskh@huunghi.com.vn;

im-export@huunghi.com.vn

Website: www.huunghi.com.vn

Manufactured by:

Hữu Nghị Food JOINT-STOCK COMPANY

Add: 122 Dinh Cong St., Dinh Cong Ward, Hoang Mai Dist., Hanoi City, Vietnam.

Tel: +84 24 36642431, +84 24 36649451, +84 24 36686334

Fax: +84 24 36642426, +84 24 36686349

E-mail: cskh@huunghi.com.vn;

im-export@huunghi.com.vn

Website : www.huunghi.com.vn

Xuất xứ: Việt Nam

Country of origin: Vietnam

Hình ảnh chỉ có tính chất minh họa

Số công bố: 74/TPHN/2019

Number: 74/TPHN/2019

ISO 22000

ch